

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
TP. Đ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/ST-DS

Ngày: 07-5-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N
THÀNH PHỐ Đ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Công Hoan**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Bá Công**
Ông **Huỳnh Bá Tiến**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Vũ Thị Bích Hậu** - Thư ký Tòa án nhân dân quận N, TP. Đ.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N Tp Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐST-ST ngày 20 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Yến Ng**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 702 L, phường H, quận N, TP. Đ.

Đại diện ủy quyền cho nguyên đơn: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ liên hệ: 231 L, quận N, TP. Đ, theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 11 tháng 01 năm 2021 – Ông T có mặt.

Bị đơn: Bà **Phạm Thị B**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 45, phường H, quận N, TP. Đ – Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Văn L** - sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 45, phường H, quận N, TP Đ - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2020, các bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông L, bà B. Từ tháng 01/2020 đến 25/9/2020 bà Ng cho ông L, bà B vay với tổng số tiền là 1.470.000.000đ (Một tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng) có biên bản thoả thuận xác nhận nợ ký ngày 25/9/2020,

không tính lãi. Mục đích mượn là để làm ăn. Khi vay hai bên thỏa thuận khi nào bà Ng cần thu hồi nợ thì báo trước (không ghi cụ thể thời hạn báo trước).

Khi bà Ng cần thu hồi nợ, bà Ng đã nhiều lần gọi điện thoại nhắc nhở nhưng vẫn không thấy vợ chồng bà B đến trả tiền cho bà Ng.

Tại phiên tòa, người đại diện cho nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông L, bà B phải trả cho bà Ng số tiền 1.470.000.000đ (Một tỷ, bốn trăm bảy mươi triệu đồng) và không tính lãi.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị B trình bày: Bà xác nhận vào ngày 25/9/2020 bà có ký với bà Huỳnh Thị Yến Ng biên bản thỏa thuận xác định nợ với tổng số tiền là 1.470.000.000đ. Trong đó, số tiền nợ là 925.000.000đ, tiền biếu là 545.000.000đ. Trong số tiền 925.000.000đ lãi suất 8%/01 tháng, chỉ thỏa thuận miệng chứ không lập trong biên bản. Bà đã trả cho bà Ng được 06 hoặc 07 tháng tiền lãi (không nhớ cụ thể ngày trả tiền lãi và việc trả tiền không lập thành văn bản).

Nay bà Ng yêu cầu bà trả số tiền 1.470.000.000đ thì bà đồng ý trả số tiền 545.000.000đ tiền biếu; còn 925.000.000đ thì bà xin bên bà Ng giảm bớt số nợ gốc, vì bà đã trả số tiền nợ lãi được 06 đến 07 tháng.

Về phương thức trả: Hiện nay bà đang vỡ nợ, không thể 01 lần trả dứt điểm khoản nợ trên, Do đó, bà xin trả mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Bà xác nhận, đây là nợ riêng của bà không liên quan đến ông Lê Văn L (chồng bà), việc nhận tiền và nợ tiền chồng bà không biết. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp về: “Hợp đồng vay tài sản” được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung. Bà B và ông Long phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình.

[2] Về nội dung tranh chấp : Từ tháng 01/2020 đến 25/9/2020 bà Ng cho bà B vay với tổng số tiền là 1.470.000.000đ (Một tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng). Trong đó, số tiền nợ là 925.000.000đ, tiền biếu (hụi) là 545.000.000đ. Nhưng sau đó các bên đã có văn bản thỏa thuận xác nhận nợ ký ngày 25/9/2020. Nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn đối với bị đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện cho nguyên đơn yêu cầu HĐXX tuyên buộc vợ chồng ông Long, bà B phải trả số tiền đã vay cho bà Ng là 1.470.000.000đ (Một tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng) và không tính lãi.

HĐXX xét thấy, việc nợ tiền của bà B đối với bà Ng là có thật, đã được các bên lập thành văn bản xác nhận nợ. Mặc dù đại diện nguyên đơn cho rằng đây là số tiền mà vợ chồng bà B vay của bà Huỳnh Thị Yến Ng, nhưng trong văn bản xác nhận nợ, chỉ có một mình bà B đứng tên và ký xác nhận nợ, nên HĐXX xác định đây là quan hệ vay tài sản giữa bà B đối với bà Ng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không xuất trình được chứng cứ gì để chứng minh bà B vay bà Ng số tiền 925.000.000đ với lãi xuất là 8% /tháng. Nguyên vọng của bà B xin được giảm số tiền nợ gốc và xin được trả mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ, điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ng, nên không được HĐXX chấp nhận.

HĐXX xét thấy, cần tuyên buộc bà B phải trả cho bà Ng số tiền 1.470.000.000đ là đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 1.470.000.000đ nên HĐXX không xem xét.

- Do yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Yến Ng được HĐXX chấp nhận nên bà B phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là $36.000.000đ + (3\% \times 670.000.000đ = 20.100.000đ) = 56.100.000đ$

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 280, 357 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147, 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” của bà Huỳnh Thị Yến Ng đối với bà Phạm Thị B.

Tuyên xử:

[1] Buộc bà Phạm Thị B phải trả cho bà Huỳnh Thị Yến Ng số tiền 1.470.000.000đ (một tỷ, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

[2] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị B phải chịu 56.100.000đ (năm mươi sáu triệu, một trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Yến Ng số tiền tạm ứng án phí 28.050.000đ, theo biên lai thu số 07141 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, TP Đ.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND QN;
- Chi cục THADS quận N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Hoan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

